

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **143/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày 28 - 8 - 2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Diệu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Q - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Chị Vũ Thị H - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H được triệu tập đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai đề ngày 20/7/2020 nguyên đơn là anh Trần Văn Q trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 9 năm 2001 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2006 thì vợ chồng vào Bình Dương

làm công nhân được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là tính tình không hợp nhau. Tháng 10 năm 2015, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống cho tới nay không ai quan tâm đến ai. Anh đã nhiều lần tìm chị H về nhưng chị H không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị P, sinh ngày 25/5/2003 và Trần Thị P1, sinh ngày 04/8/2009. Hiện cả 02 con chung đều đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị N ngày 28 tháng 7 năm 2020, bà N là mẹ đẻ của chị Vũ Thị H trình bày:

Gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Gia đình đã thông báo cho chị H biết việc anh Q có đơn xin ly hôn nhưng chị H hiện đang đi làm ăn xa, không thể đến Tòa án để giải quyết được. Chị H có gọi điện về và nói với gia đình là chị nhất trí ly hôn. Việc anh Q có yêu cầu ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng anh Q, chị H có 02 con chung như anh Q trình bày. Hiện cả 02 con chung đều đang ở với anh Q. Chị H có nói với gia đình là chị đồng ý để anh Q nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Tài sản chung, công nợ của anh Q, chị H bà không nắm rõ.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi bị đơn tiếp tục vắng mặt và nguyên đơn có đề nghị xét xử là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng anh Q, chị H sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa anh Trần Văn Q và chị Vũ Thị H;

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn Q. Giao cho anh Trần Văn Q có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị P, sinh ngày 25/5/2003 và Trần Thị P1, sinh ngày 04/8/2009. Chấp nhận việc anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị H nhưng chị H không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi bị đơn tiếp tục vắng mặt và nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233; 238 BLTTDS

[2] Về tình cảm: Anh Trần Văn Q và chị Vũ Thị H kết hôn ngày 20 tháng 9 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn. Tháng 10 năm 2015 chị H đã bỏ về nhà bố đẻ, vợ chồng đã sống ly thân từ đó nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi anh Q có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho chị H nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của anh Q, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị N là mẹ đẻ của chị Vũ Thị H trình bày:

Gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết việc anh Q có đơn xin ly hôn với chị. Chị H có gọi điện về cho gia đình nói là chị nhất trí ly hôn. Chị H hiện đang đi làm ăn xa, không thể đến Tòa án để giải quyết được. Việc anh Q có đơn xin ly hôn chị H bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q và chị H đã phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Sau khi anh Q có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly

hôn của anh Q và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc anh Q xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Hiện tại hai con chung đang ở với anh Q từ khi vợ chồng sống ly thân, chị H vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù được thông báo nhiều lần nhưng chị H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai của bà N (mẹ đẻ của chị H), bà N khai là chị H có gọi điện về và nói với gia đình là đồng ý để anh Q nuôi dưỡng cả hai con chung. Để đảm bảo việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho anh Q có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị H có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Chị H có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: anh Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Văn Q và chị Vũ Thị H.

2. Về con chung: Giao anh Trần Văn Q có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị P, sinh ngày 25/5/2003 và Trần Thị P1, sinh ngày 04/8/2009. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện cả hai con chung đều đang ở với anh Q. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Trần Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001377 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh Q đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Trần Văn Q, chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**